

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25/5/2022
“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thúy và bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Long- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 25/5/2022, tại phòng xét xử, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2022/TLST-HNGĐ ngày 10/01/2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/5/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1980. Nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn CH, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương. Chỗ ở hiện tại: thôn NX, xã ĐS, huyện TK, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1980; Nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn CH, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương. Chỗ ở hiện tại: Bản HC, xã MP, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên.

3. *Người làm chứng:*

- Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1958; Địa chỉ: Thôn CH, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương;

- Bà Phạm Thị T, sinh năm 1953; Địa chỉ: Thôn NX, xã ĐS, huyện TK, tỉnh Hải Dương.

(Tại phiên tòa, chị L, anh Đ vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, những người làm chứng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai của nguyên đơn- chị Nguyễn Thị L thể hiện: Ngày 11/3/2002, chị và anh Nguyễn Văn Đ cùng tự nguyện đến Ủy ban nhân dân xã G, huyện G đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới hỏi, anh chị sống cùng nhà với bố mẹ anh Đ tại thôn CH, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương. Năm 2009, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, do anh Đ không tu chí, chơi bời, cờ bạc, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Năm 2010 anh Đ bỏ nhà đi lên huyện Đ, tỉnh Điện

Biên sinh sống, không quan tâm đến mẹ con chị, đến năm 2015 quay về. Chị nghĩ cho các con, muốn gia đình đầy đủ thành viên nên đã chấp nhận, vợ chồng tiếp tục chung sống và sinh thêm con thứ hai là cháu Nguyễn Thị Hồng Nh. Tuy nhiên, trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xô xát, cãi nhau. Mặc dù được bố mẹ hai bên động viên, góp ý nhưng không cải thiện được gì. Năm 2017 anh Đ lại bỏ đi. Vợ chồng chị sống ly thân cho đến nay. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị quyết định xin ly hôn và chuyển về nhà ngoại ở thôn NX, xã ĐS, huyện TK, tỉnh Hải Dương sinh sống. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ để hai bên tìm cuộc sống mới phù hợp. Về con chung: Chị và anh Đ có hai con chung là Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 27/01/2004 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 21/02/2017. Cháu T đã trên 18 tuổi, có gia đình riêng, chị không đề nghị giải quyết; cháu N hiện đang học tại Trường Mầm non xã ĐS, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Khi vợ chồng ly hôn, chị L đề nghị được tiếp tục nuôi con N cho đến khi con trưởng thành; về vấn đề cấp dưỡng cho con thì tùy vào trách nhiệm của anh Đ đối với con, còn chị tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chị không đề nghị giải quyết.

Lời khai của bị đơn- anh Nguyễn Văn Đ thể hiện: Anh xác định việc đăng ký kết hôn vợ chồng như chị L trình bày. Hai vợ chồng sống bình thường không mâu thuẫn gì lớn, vì công việc nên anh phải lên Điện Biên làm ăn, chị L ở nhà. Về tình cảm anh vẫn còn nhưng vì mỗi người ở một nơi, chị L yêu cầu giải quyết ly hôn thì tùy quan điểm của chị L. Anh đề nghị Tòa án xem xét cho ly hôn hay không ly hôn cũng được. Về con chung: Anh xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 27/01/2004 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 21/02/2017. Anh không có ý kiến, không đề nghị gì đối với nguyện vọng nuôi con của chị L. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh không đề nghị giải quyết. Anh Đ xác định đã được nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các văn bản của Tòa án.

Lời khai của ông Nguyễn Văn Đ1 (bố của anh Đ) thể hiện: Anh Đ và chị L được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân cụ thể là gì ông không nắm rõ, chỉ biết do anh Đ không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con, chơi bời. Năm 2010 anh Đ bỏ nhà đi, không quan tâm đến mẹ con chị L. Năm 2016, anh Đ quay về, năm 2017 lại bỏ đi, bỏ mặc mẹ con chị L cho đến nay. Nay anh Đ, chị L giải quyết việc ly hôn, ông không can thiệp mà do anh chị quyết định. Về con chung của anh chị như các bên trình bày, ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền L cho các cháu.

Lời khai của bà Phạm Thị T là mẹ của chị L: Khi chị L về chơi, nói chuyện thì vợ chồng bà mới biết cuộc sống hôn nhân giữa anh Đ, chị L không hạnh phúc do anh Đ chơi bời, không chịu khó làm, không có công việc, thu nhập, kinh tế vợ chồng khó khăn, không quan tâm, chăm lo cho cuộc sống chung vợ chồng. Năm

2010 anh Đ bỏ đi, bỏ mặc mẹ con chị L đến năm 2016 về, vợ chồng sống cùng nhau và sinh thêm con thứ hai. Tuy nhiên, anh Đ vẫn không tu chí làm, không quan tâm đến mẹ con chị L. Chị L đã cố gắng, nhẫn nhịn nhiều. Bà cũng động viên chị L và các cháu, mong mỗi các con sống vui vẻ, hạnh phúc. Năm 2017 anh Đ bỏ đi cho đến nay. Nay được biết chị L xin ly hôn anh Đ, bà đề nghị giải quyết cho chị L và anh Đ ly hôn vì bà thấy anh Đ không quan tâm đến chị L, cuộc sống chung đã chấm dứt từ lâu, không còn là một gia đình. Về con chung của anh chị, bà đề nghị giải quyết cho chị L tiếp tục nuôi cháu N để cuộc sống của cháu đảm bảo, bà sẵn sàng hỗ trợ chị L trong việc chăm sóc cháu N.

Lời khai của chị Nguyễn Thị Thu T con của anh Đ, chị L thể hiện: Chị được biết bố mẹ chị là anh Đ, chị L kết hôn với nhau từ năm 2002. Quá trình chung sống, bố chị không có trách nhiệm gì với mẹ con chị và gia đình, đã bỏ đi từ năm chị được 5 tuổi, đến khi chị học lớp 6 bố chị quay về sống cùng mẹ con chị. Tuy nhiên, bố chị không hề quan tâm đến mẹ con chị mà thường xuyên bỏ đi chơi, bố mẹ thường xuyên cãi chửi nhau. Đến cuối năm 2016, bố chị lại bỏ vào huyện Điện Biên sinh sống với người khác. Một mình mẹ chị nuôi hai chị em khôn lớn. Nay bố mẹ chị giải quyết việc ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của mẹ chị để ổn định cuộc sống. Bố mẹ chị sinh được hai người con gồm chị và em Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 21/02/2017, đang học ở Trường Mầm non ĐS, huyện TK. Chị đề nghị Tòa án giao em Nhung cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc.

Kết quả xác minh tại địa phương xã G thể hiện: Quá trình chung sống địa phương thấy anh Đ, chị L không đánh cãi chửi nhau to tát, tìm hiểu được biết do anh Đ cờ bạc, chơi bời, không tu chí làm ăn. Năm 2010 anh Đ bỏ đi không còn ở địa phương, không quan tâm đến chị L đến năm 2016 quay về. Năm 2017 khi chị L chuẩn bị sinh con thứ hai, anh Đ lại bỏ đi cho đến nay, không quan tâm đến mẹ con chị L. Chị L sống cùng nhà với gia đình chồng cho đến đầu tháng 3 năm 2022 thì chuyển về nhà để ở tại huyện TK, tỉnh Hải Dương sinh sống. Nay chị L xin ly hôn anh Đ và giải quyết việc nuôi con khi ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Kết quả xác minh ở Trường mầm non xã ĐS, huyện TK xác định: Cháu Nguyễn Thị Hồng N là học sinh lớp 4 tuổi A2, cháu ngoan ngoãn, đi học đầy đủ, đúng giờ, kết quả học tập, rèn luyện và phát triển tốt, không có biểu hiện ảnh hưởng gì đến sự phát triển tâm sinh lý, các khoản đóng góp với nhà trường đều được chị L thực hiện đầy đủ.

Quá trình giải quyết, chị L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, chị giữ nguyên nội dung khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ và được tiếp tục nuôi con N, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị không đề nghị giải quyết.

Đơn đề nghị của anh Đ thể hiện quan điểm: Do anh ở xa nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc giải quyết vắng mặt anh trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và trong các phiên tòa xét xử vụ án. Anh nhất

trí ly hôn chị L, nhất trí chị L tiếp tục nuôi dưỡng con Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 21/02/2017 đến khi con đủ 18 tuổi. Chị L không yêu cầu anh đóng góp tiền nuôi con chung, anh nhất trí. Ngoài ra anh không đề nghị gì khác, không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, quan điểm về việc giải quyết vụ án. Xác định Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề xuất: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, cho chị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ; Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 21/02/2017 cho chị L nuôi dưỡng đến năm 18 tuổi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí: chị Nguyễn Thị L chịu 300.000đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị L khởi kiện đề nghị giải quyết ly hôn, nuôi con với bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ đang cư trú tại Bản HC, xã MP, huyện DB, tỉnh Điện Biên. Thời điểm thụ lý vụ án, chị L sinh sống tại thôn CH, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương; anh Đ và chị L có Biên bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc giải quyết. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết là đúng quy định.

- Tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng được Tòa án triệu tập hợp lệ. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, đều đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; người làm chứng vắng mặt nhưng trước đó đã có lời khai trực tiếp với Tòa án. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự và những người làm chứng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Đ là tự nguyện, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền (là Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương) đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật

nên quan hệ hôn nhân của anh Đ và chị L là hợp pháp kể từ ngày đăng ký kết hôn (11/3/2002). Qua lời khai của các đương sự, kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thấy: Trong thời gian anh Đ và chị L sống chung đến năm 2009, giữa hai bên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không vui vẻ, hạnh phúc. Anh Đ không tu chí làm ăn, không quan tâm đến mẹ con chị L và cuộc sống chung của vợ chồng. Anh chị đã được gia đình hai bên động viên, vun vén nhưng cuộc sống không cải thiện. Anh chị không còn sống chung từ năm 2017 cho đến nay, hai bên không quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết, anh Đ trình bày quan điểm nhất trí ly hôn chị L. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy hôn nhân giữa chị L và anh Đ không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, mâu thuẫn đã trở lên trầm trọng, cuộc sống chung của anh chị trên thực tế đã chấm dứt từ lâu đến nay không thể hàn gắn, đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh Đ là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị L và anh Đ có hai con chung là Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 27/01/2004 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 21/02/2017. Cháu T đã trên 18 tuổi, có gia đình riêng nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng. Cháu N hiện đang do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị L đề nghị được tiếp tục nuôi con N cho đến khi con trưởng thành; chị tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ nhất trí quan điểm của chị L. Hội đồng xét xử thấy: Cháu N từ khi được sinh ra cho đến nay đều do chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cháu phát triển tốt, hiện đang ở cùng chị L. Chị L có công việc, thu nhập, có sự hỗ trợ giúp đỡ của bố mẹ đẻ, cuộc sống của hai mẹ con chị ổn định. Do đó, để sự phát triển của con chung của anh chị được đảm bảo, cần giao cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng con Nguyễn Thị Hồng N cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Đương sự không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.
2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 21/02/2017

cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Anh Nguyễn Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ vào số tiền 300.000đồng chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2020/0000577 ngày 04/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Chị L đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc;
 - Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc;
 - Ủy ban nhân dân xã G, huyện Gia Lộc
- để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Ngọc Mai